

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày 17 tháng 3 năm 2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Vượng.
2, Ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 04/3/2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Hà Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số nhà 64, Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 7, khu 34, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hà Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Hà Thị N có cho ông Nguyễn Văn C vay tiền làm 5 lần. Trong đó có 2 mã đã trả, còn lại 3 mã chưa trả được, tổng cộng là: 50.000.000đ.

Số tiền vay cụ thể theo từng lần vay như sau:

- Lần 1: Ngày 07/02/2015 (âm lịch) ông Nguyễn Văn C vay số tiền 30.000.000đ.

Do ông Nguyễn Văn C không có tài sản thế chấp nên khi viết giấy vay bà Hà Thị N và ông Nguyễn Văn C thỏa thuận viết giấy với nội dung là bà Hà Thị N đưa tiền cho ông Nguyễn Văn C để xin việc cho con trai bà Hà Thị N vào làm ở Công an

tỉnh Bắc Giang nhưng thực chất là giao dịch cho vay giữa bà Hà Thị N là người cho vay và ông Nguyễn Văn C là người vay.

Thời hạn trả: Không thỏa thuận thời hạn trả.

- Lần 2: Ngày 10/5/2015 ông Nguyễn Văn C vay số tiền 10.000.000đ.

Thời hạn trả: 02 tháng.

- Lần 3: Ngày 15/5/2015 ông Nguyễn Văn C vay số tiền 10.000.000đ.

Do ông Nguyễn Văn C không có tài sản thế chấp nên khi viết giấy vay bà Hà Thị N và ông Nguyễn Văn C thỏa thuận viết giấy với nội dung là bà Hà Thị N đưa tiền cho ông Nguyễn Văn C để xin việc cho con trai bà Hà Thị N là Trần Ngọc Tuấn vào làm ở Bệnh viện thành phố B nhưng thực chất là giao dịch cho vay giữa bà Hà Thị N (là người cho vay) và ông Nguyễn Văn C (là người vay).

Thời hạn trả: Không thỏa thuận thời hạn trả.

Lãi suất của 3 lần vay không ghi trong giấy vay nhưng có thỏa thuận ngoài là 3.000đ/1 triệu/ngày.

Trong quá trình vay, bà Hà Thị N đã đòi ông Nguyễn Văn C nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn C đã không trả được cho bà Hà Thị N một đồng tiền gốc nào, chỉ trả được cho bà 1.500.000 đồng tiền lãi vào thời điểm tháng 8/2018.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải, bà Hà Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà Hà Thị N số tiền gốc vay và lãi vay. Cụ thể:

Gốc vay: 50.000.000 đồng.

Lãi suất: Bà Hà Thị N yêu cầu lãi suất tính 20%/năm theo quy định của pháp luật. Thời điểm tính lãi tạm tính từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/01/2020 là 4 năm 8 tháng.

$50.000.000đ \times (20\%/năm, 1,66\%/tháng) \times 4 \text{ năm } 8 \text{ tháng} = 46.480.000đ.$

Tổng cộng gốc lãi: $50.000.000đ + 46.480.000đ = 96.480.000đ.$

(Chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Đối với giấy nhận tiền ngày 07/02/2015 (âm lịch) và giấy nhận tiền ngày 15/5/2015 thực chất là giao dịch vay tài sản vì: Khi cho vay, do ông Nguyễn Văn C không có tài sản thế chấp nên bà Hà Thị N mới yêu cầu ông Nguyễn Văn C viết giấy với nội dung xin việc nhưng thực chất là vay tiền.

Trong giấy vay ngày 10/5/2015 và biên nhận tiền ngày 15/5/2015 ghi "*nhận của chị Ngọc Mai*", còn giấy nhận tiền ngày 07/02/2015 (âm lịch) lại ghi là "*có nhận chị Hà Thị N*". Ghi là chị Ngọc Mai là ghi tên của cả chồng bà Hà Thị N vì chồng bà Hà Thị N tên là Trần Đức M. Bà Hà Thị N cho rằng ghi như vậy nhưng thực chất là tiền riêng của bà Hà Thị N cho vay không liên quan gì đến chồng bà Hà Thị N là ông Trần Đức M. Cả 3 giấy là do ông Nguyễn Văn C viết, nhận đầy đủ tiền và ký nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Hà Thị N yêu cầu tòa án buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà số tiền gốc vay là 50.000.000 đồng. Về lãi suất, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/5/2015 đến ngày Tòa án xét xử

17/3/2020. Bà Hà Thị N đồng ý trừ cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.500.000 đồng tiền lãi vay mà ông Nguyễn Văn C đã trả cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa trình bày:

Ông Nguyễn Văn C thừa nhận có vay của bà Hà Thị N 3 lần tiền. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 07/02/2015 (âm lịch) ông Nguyễn Văn C vay số tiền 30.000.000đ.

Do ông Nguyễn Văn C không có tài sản thế chấp nên khi viết giấy vay bà Hà Thị N và ông Nguyễn Văn C thỏa thuận viết giấy với nội dung là bà Hà Thị N đưa tiền cho ông Nguyễn Văn C để xin việc cho con trai bà Hà Thị N vào làm ở Công an tỉnh Bắc Giang nhưng thực chất là giao dịch cho vay giữa bà Hà Thị N là người cho vay và ông Nguyễn Văn C là người vay.

- Lần 2: Ngày 10/5/2015 ông Nguyễn Văn C vay số tiền 10.000.000đ.

- Lần 3: Ngày 15/5/2015 ông Nguyễn Văn C vay số tiền 10.000.000đ.

Do không có tài sản thế chấp nên bà Hà Thị N yêu cầu ông phải viết giấy nhận tiền với nội dung là nhận tiền để xin việc cho con bà Hà Thị N nhưng thực chất là tiền vay lãi ngày giữa bà Hà Thị N (là người cho vay) và ông Nguyễn Văn C (là người vay). Lãi suất là 5.000đ/1 triệu/ngày. Tuy nhiên, tất cả các lần vay trên ông đều trả hết cho bà Hà Thị N cả gốc lẫn lãi. Ông Nguyễn Văn C không nhớ là đã trả bao nhiêu tiền lãi và vào thời điểm nào. Mỗi lần trả gốc và lãi vay cho bà Hà Thị N thì ông không yêu cầu bà Hà Thị N ký vào sổ của ông, cũng như không lấy lại giấy vay để xé đi nên bà Hà Thị N đã lấy ra để kiện ông. Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định. Bị đơn vắng mặt các phiên hòa giải, triệu tập cả Tòa án đã không chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Hà Thị N khởi yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả cho bà Hà Thị N số tiền gốc vay là 50.000.000 đồng. Về lãi suất, bà Hà Thị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/5/2015 đến ngày Tòa án xét xử 17/3/2020. Bà Hà Thị N đồng ý trừ cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.500.000 đồng tiền lãi vay mà ông Nguyễn Văn C đã trả cho bà. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về gốc vay: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N về việc buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà Hà Thị N số tiền gốc vay 50.000.000 đồng.

Về lãi suất: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng lãi suất để buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà Hà Thị N là (9%/năm, 0,75%/tháng, 0,025%/ngày) từ ngày 15/5/2015 đến ngày 31/12/2016; áp dụng lãi suất (10%/năm, 0,83%/tháng, 0,027%/ngày) từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử 17/3/2020. Tổng cộng lãi suất là: 23.330.100đ. Do bà Hà Thị N đồng ý trừ cho ông Nguyễn Văn C số tiền lãi

ông Nguyễn Văn C đã trả là 1.500.000 đồng nên tiền lãi còn lại là: 23.330.100đ – 1.500.000đ = 21.830.100đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn C và bà Hà Thị N không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do vậy tranh chấp về giao dịch vay tài sản ngày 07/02/2015 (âm lịch), ngày 10/5/2015 và ngày 15/5/2015 là còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về số tiền gốc vay: Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C thừa nhận có vay của bà Hà Thị N 3 lần tổng cộng là 50.000.000 đồng với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày nhưng đã trả cho bà Hà Thị N đầy đủ cả gốc và lãi rồi. Nhưng ông Nguyễn Văn C không chứng minh được là mình đã trả hết gốc và lãi cho bà Hà Thị N, bản thân ông Nguyễn Văn C cũng không nhớ là đã trả cho bà Hà Thị N tổng cộng tiền gốc vào thời gian nào và không nhớ là đã trả hết lãi là bao nhiêu và vào thời gian nào.

Bà Hà Thị N chứng minh việc bà đã cho ông Nguyễn Văn C vay tiền bằng 3 giấy nhận nợ đó là giấy nhận nợ ngày 07/02/2015 (âm lịch), Ngày 10/5/2015 và ngày 15/5/2015. Căn cứ vào các giấy nhận nợ này và căn cứ vào việc ông Nguyễn Văn C có thừa nhận là ông Nguyễn Văn C có vay của bà Hà Thị N số tiền trên thì ông Nguyễn Văn C có vay của bà Hà Thị N 50.000.000 đồng theo 3 lần vay tiền. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 07/02/2015 (âm lịch) ông Nguyễn Văn C vay số tiền 30.000.000đ.

- Lần 2: Ngày 10/5/2015 ông Nguyễn Văn C vay số tiền 10.000.000đ.

- Lần 3: Ngày 15/5/2015 ông Nguyễn Văn C vay số tiền 10.000.000đ.

Bà Hà Thị N trình bày số tiền gốc ông Nguyễn Văn C chưa trả được cho bà được một đồng nào. Nay bà Hà Thị N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà số tiền gốc vay là 50.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn C không thừa nhận nhưng ông không có bằng chứng nào cho rằng mình đã trả hết nợ cho bà Hà Thị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả cho bà Hà Thị N số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc vay.

[5] Về lãi suất:

Khi xác lập giấy vay tiền đều không ghi lãi suất là bao nhiêu, nhưng cả bà Hà Thị N và ông Nguyễn Văn C đều cho rằng lãi suất là do các bên thỏa thuận bên ngoài. Ông Nguyễn Văn C thì cho rằng bà Hà Thị N cho ông vay lãi ngày với lãi suất là 5.000đ/1 triệu/ngày. Bà Hà Thị N thì cho rằng bà cho ông Nguyễn Văn C vay với lãi suất là 3.000đ/1 triệu/ngày. Như vậy các bên không thỏa thuận lãi suất vào trong giấy vay cũng như không thống nhất được với nhau về lãi suất thỏa thuận bên ngoài.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải, bà Hà Thị N đề nghị tính lãi suất 20%/năm kể từ ngày 15/5/2015 đến khi xét xử sơ thẩm. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Hà Thị N đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 15/5/2015 đến ngày Tòa án xét xử 17/3/2020.

Hội đồng xét xử thấy: Đối với trường hợp không ghi lãi suất hoặc không thỏa thuận được lãi suất nên cần chấp nhận lãi suất (9%/năm, 0,75%/tháng, 0,025%/ngày) từ ngày 15/5/2015 đến ngày 31/12/2016 là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; áp dụng lãi suất (10%/năm, 0,83%/tháng, 0,027%/ngày) từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử 17/3/2020 là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể là:

Từ ngày 15/5/2015 đến ngày 31/12/2016 là 01 năm 07 tháng 16 ngày.

$50.000.000đ \times (9\%/năm, 0,75\%/tháng, 0,025\%/ngày) \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 7.325.000đ.$

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 17/3/2020 là 03 năm 02 tháng 17 ngày.

$50.000.000đ \times (10\%/năm, 0,83\%/tháng, 0,027\%/ngày) \times 03 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 16.005.100 \text{ đồng}.$

Tổng cộng lãi: $7.325.000đ + 16.005.100 = 23.330.100đ.$

Do bà Hà Thị N đồng ý trừ cho ông Nguyễn Văn C số tiền lãi ông Nguyễn Văn C đã trả là 1.500.000 đồng nên tiền lãi còn lại là: $23.330.100đ - 1.500.000đ = 21.830.100đ.$

Tổng cộng gốc lãi: $50.000.000đ + 21.830.100đ = 71.830.100đ.$

(Bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm đồng).

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định. Bà Hà Thị N không phải chịu án phí, hoàn trả bà Hà Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; **khoản 2 Điều 26** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị N.
2. Buộc ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà Hà Thị N số tiền tổng cộng là 71.830.100 đồng (*Bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm đồng*), trong đó: gốc vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 21.830.100 đồng.
Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 3.591.500 đồng (*Ba triệu năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*). Bà Hà Thị N không phải chịu án phí. Hoàn trả bà Hà Thị N số tiền 2.464.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà Hà Thị N đã nộp tại Biên lai số **AA/2016/0000931 ngày 04/02/2020** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.
4. Bà Hà Thị N và ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường